CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex

Ngày 30/09/2025	41,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**-4.6%**	**21.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,000 - 47,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,757
Số lượng CPLH (CP)	210,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.40
EPS	-136
P/E	-305.6

DT thuần
Q3/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.16| -100%

LN thuần
Q3/25
-12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.53| -118%
YoY: ▼7.17| -146%

LN sau thuế
Q3/25
-12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.01| -138%
YoY: ▼7.03| -139%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

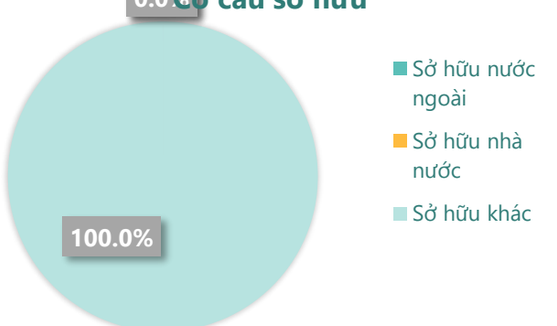
ROE (TTM)
Q3/25
-1.8%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
9T 2025
3.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.16|

LN thuần
9T 2025
-23.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.40| -47.3%

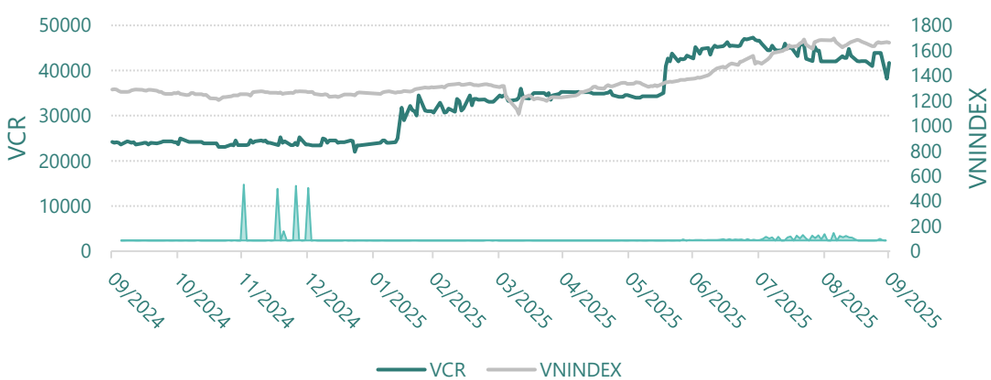
LN sau thuế
9T 2025
-22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.80| -42.9%

Cơ cấu sở hữu

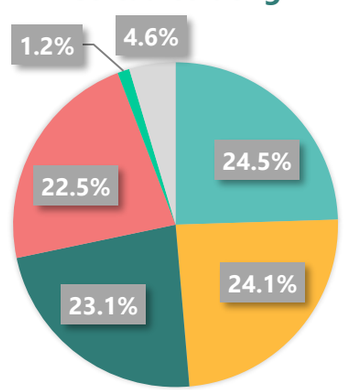


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

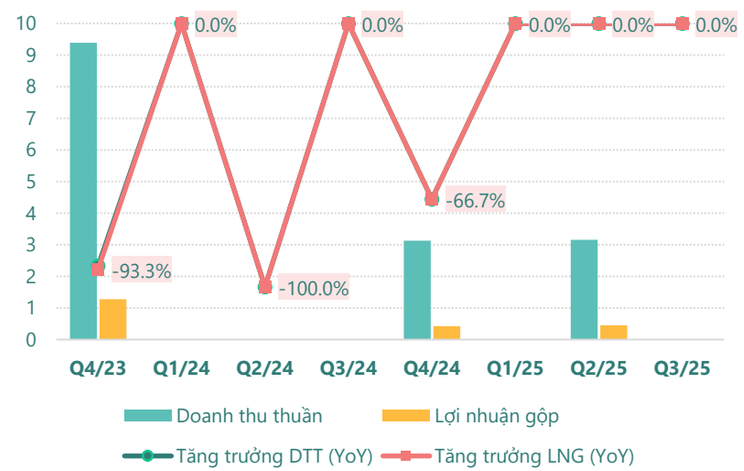


- Công ty TNHH Khu Đông - Phú Quốc
- Công ty TNHH Imperia An Phú
- Công ty TNHH Sàn Giao dịch Bất động sản Hà Nội ANPHA
- Công ty TNHH Kinh doanh Quốc tế SILVER FIELD
- CTCP Chứng khoán Agribank
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

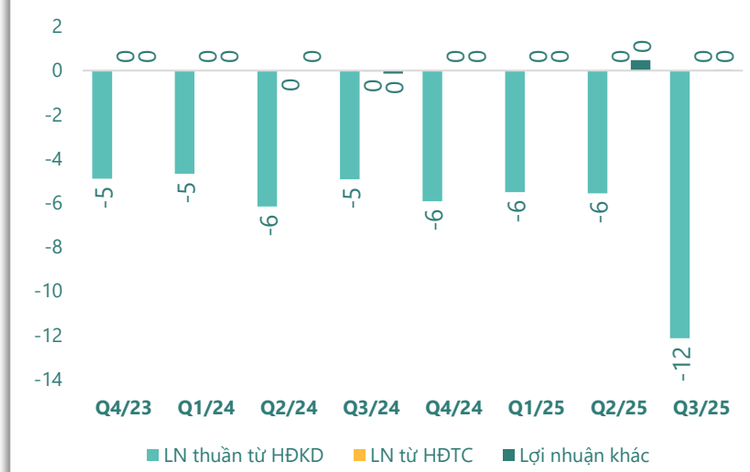
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



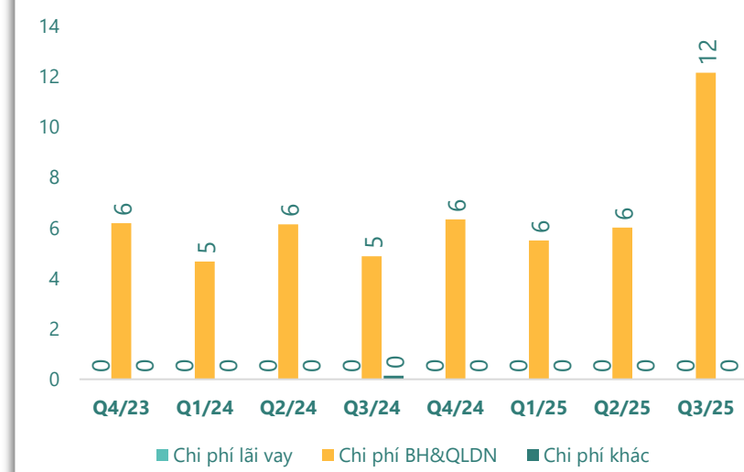
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



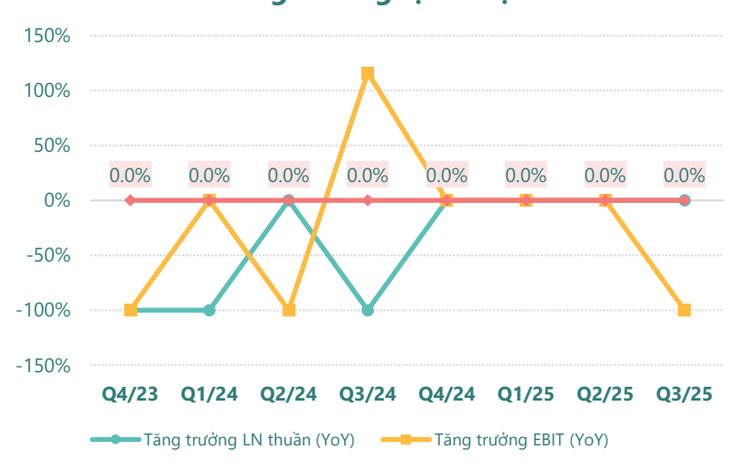
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



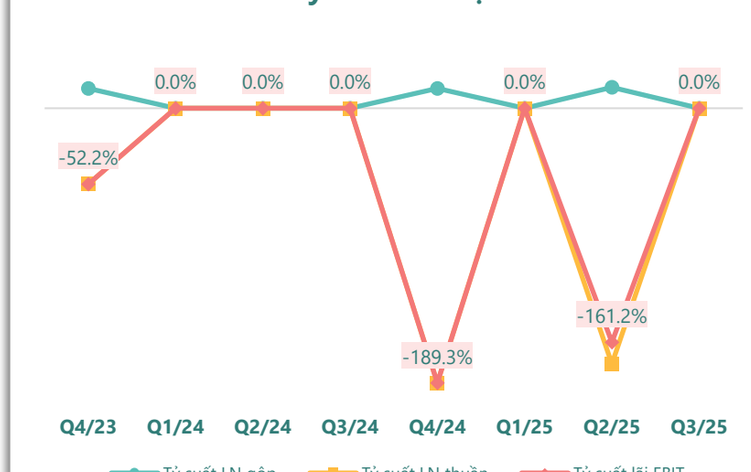
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



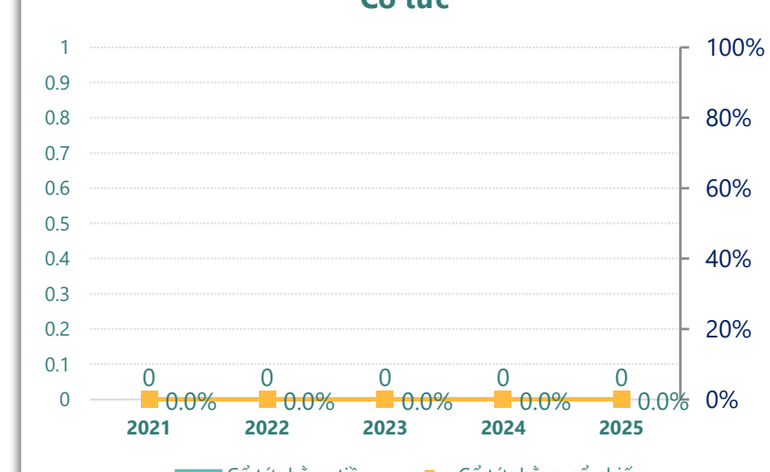
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

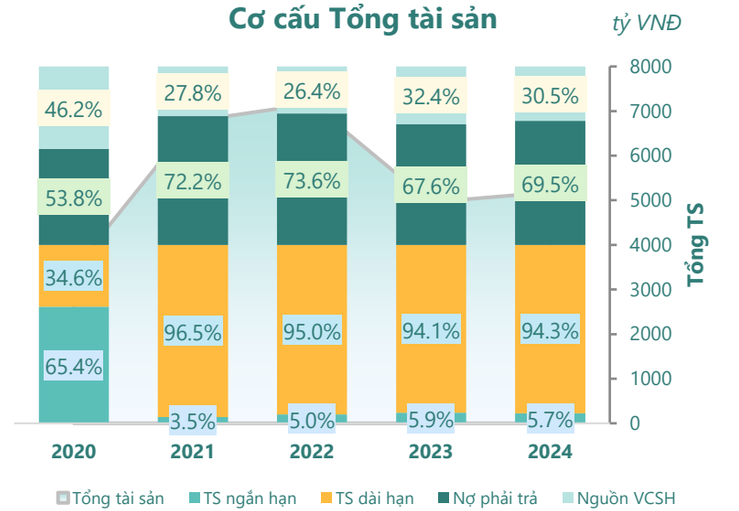
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

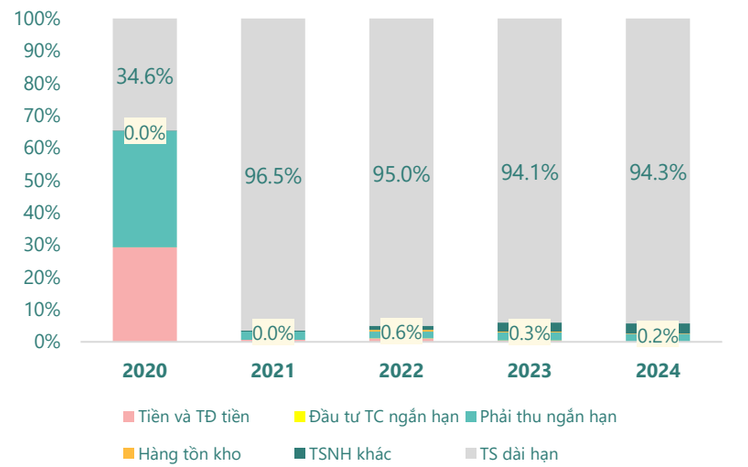
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



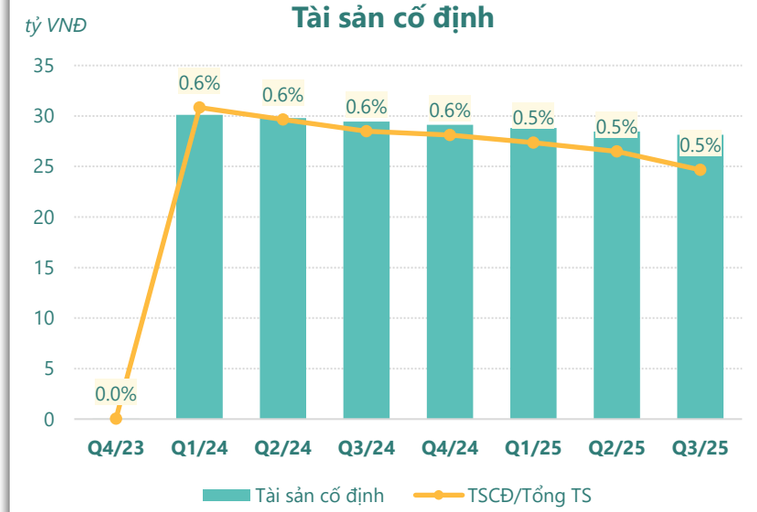
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



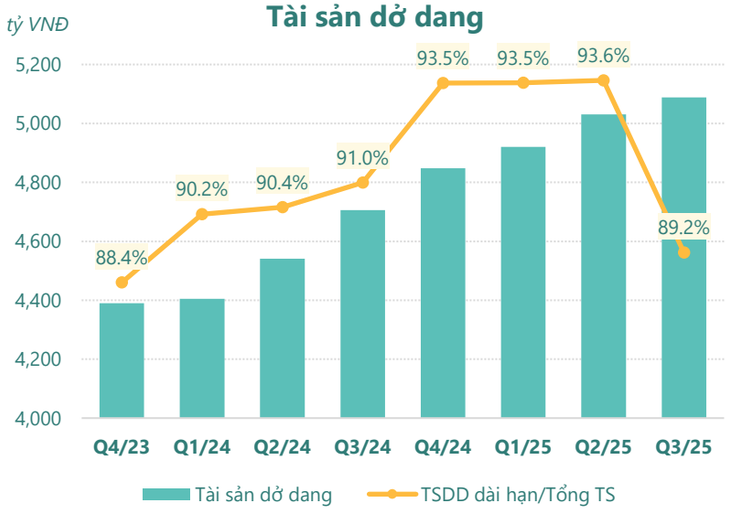
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



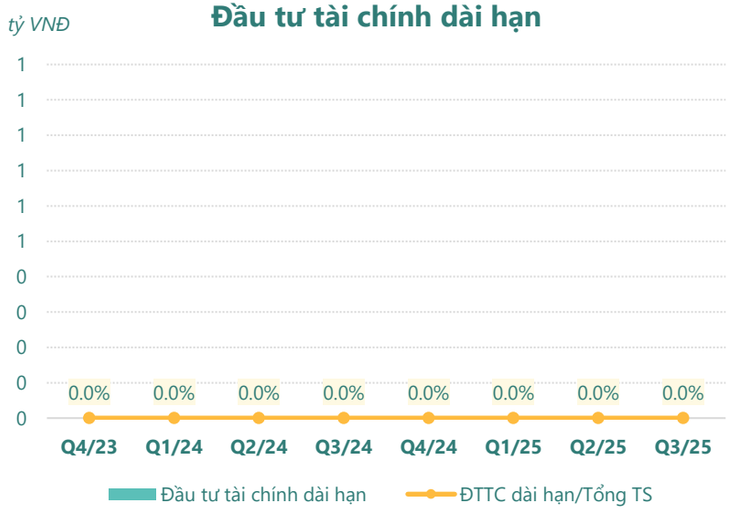
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



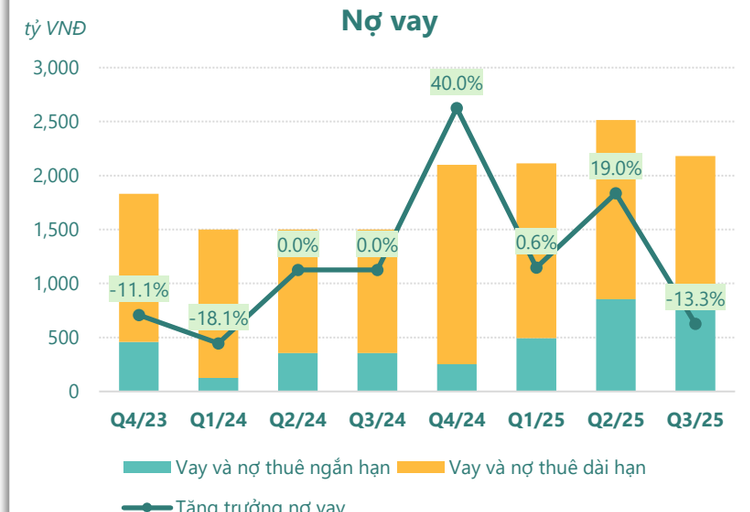
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

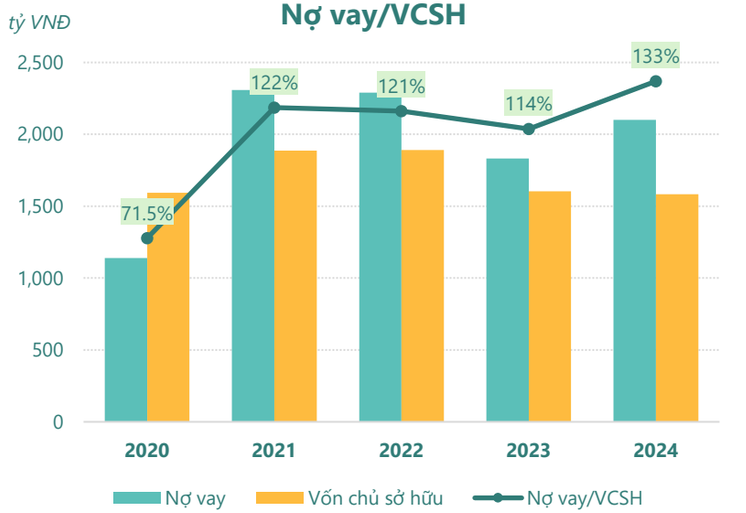
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

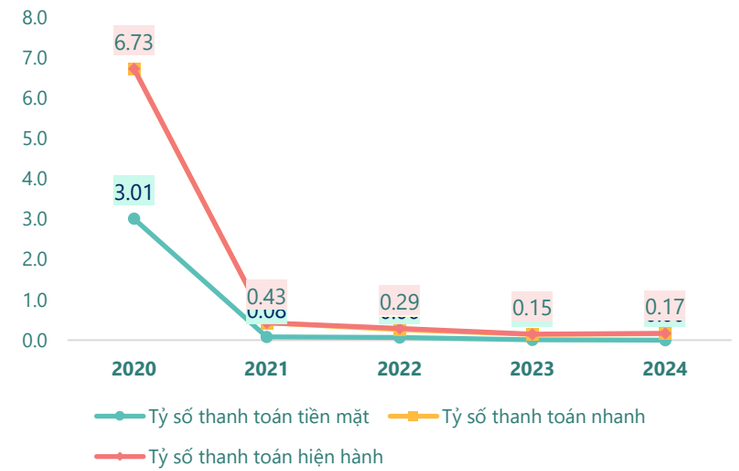
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



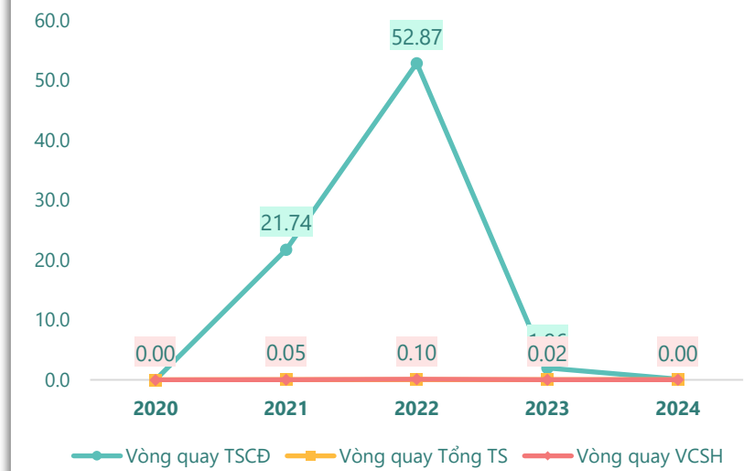
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



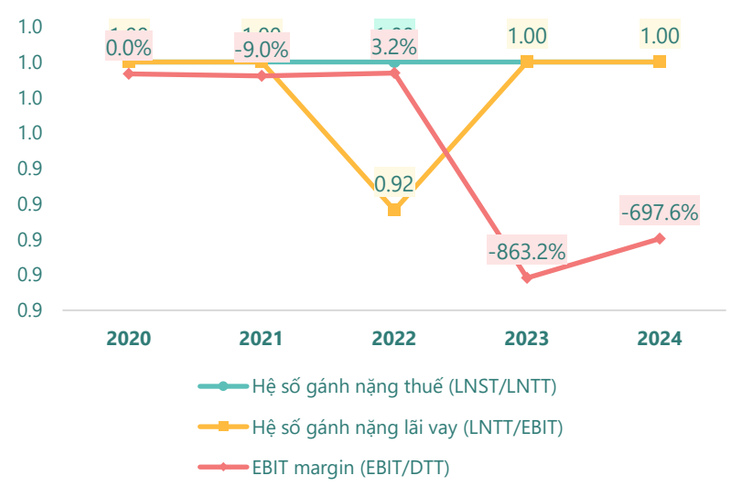
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



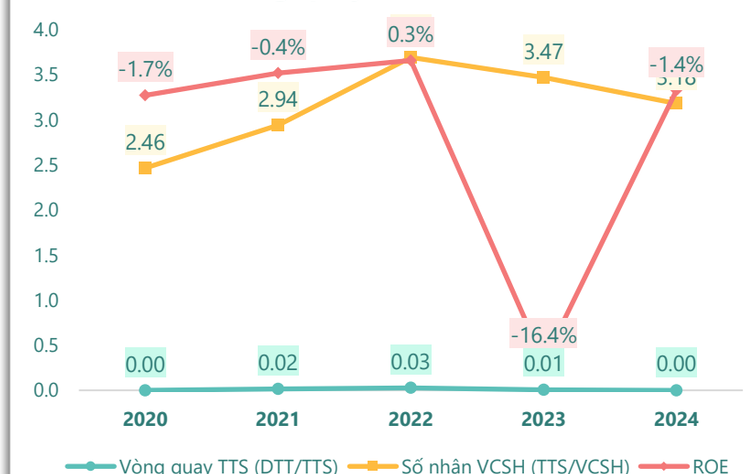
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



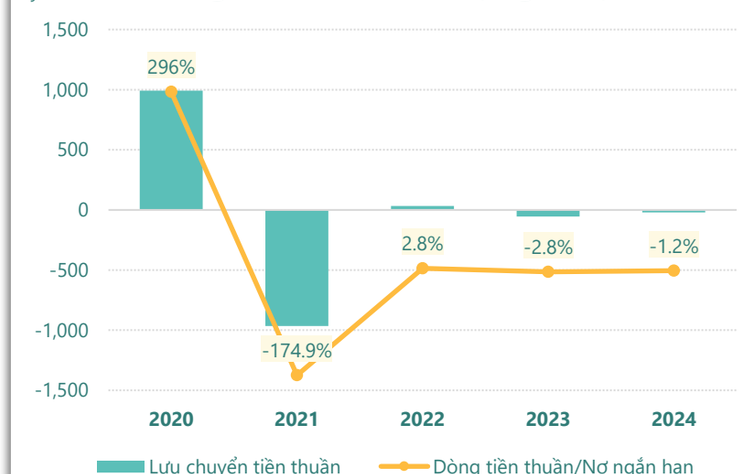
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**3.16**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		2.70	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0.45	0	
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.03	0.01	194%
Chi phí TC	0.00	0.05	-100%	0.00	0.07	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**12.2**	**4.88**	**149%**	**23.7**	**15.7**	**50.9%**
LN thuần từ HĐKD	-12.1	-4.93	-146%	-23.2	-15.8	-47.3%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**-0.14**	**114%**	**0.49**	**-0.14**	**451%**
LN trước thuế	-12.1	-5.07	-139%	-22.7	-15.9	-42.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-12.1**	**-5.07**	**-139%**	**-22.7**	**-15.9**	**-42.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-12.1**	**-5.07**	**-139%**	**-22.7**	**-15.9**	**-42.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	240	27.9	-459	64.0	-333	744
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-242	-27.7	-141	-75.3	-68.4	-99.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	600	12.5	401	-334
Tiền đầu kỳ	2.80	0.25	0.44	0.60	1.85	1.78
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.55**	**0.18**	**0.16**	**1.25**	**-0.07**	**311**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.25	0.44	0.60	1.85	1.78	313

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,704**	**5,183**	**10.1%**
Tài sản ngắn hạn	586	294	99.0%
Tiền và tương đương tiền	313	0.60	51953%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0.04	0.1%
Phải thu ngắn hạn	92.8	119	-22.0%
Hàng tồn kho	8.16	10.9	-24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	172	164	4.8%
Tài sản dài hạn	**5,118**	**4,889**	**4.7%**
Phải thu dài hạn	0.97	0.97	0.0%
Tài sản cố định	28.1	29.1	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,088	4,848	5.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.60**	**11.1**	**-94.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,144	3,600	15.1%
Nợ ngắn hạn	**2,944**	**1,754**	**67.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	980	253	287%
Phải trả người bán ngắn hạn	240	463	-48.2%
Nợ dài hạn	1,200	1,847	-35.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,200	1,847	-35.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,560**	**1,583**	**-1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,560**	**1,583**	**-1.4%**
Vốn điều lệ	2,100	2,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)